TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100/2026/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 24 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Phan Châu Ngọc.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 204/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1995 (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 10 năm 2025).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

+ Ông Trần Công T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

+ Bà Võ Thị Tiến X, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công T, bà Võ Thị Tiến X: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 7 năm 2026).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung tranh chấp:

2.1.1. Về hợp đồng thuê quyền sử dụng đất: Công nhận hợp đồng thuê quyền sử dụng đất theo tờ "Hợp đồng thuê đất" viết tay xác lập ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa ông Võ Văn H và ông Nguyễn Văn L.

2.1.1.1. Ông Võ Văn H, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết V, ông Trần Công T, bà Võ Thị Tiến X đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, phần đất thuộc các thửa:

Thửa số 14, diện tích 4.624,5 m^2 và thửa số 31, diện tích 813,5 m^2, cùng tờ bản đồ số 34, loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long) do ông Nguyễn Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DO 748362, số vào sổ VP12875 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DO 748361, số vào sổ VP12876, cấp cùng ngày 09 tháng 5 năm 2024.

Thửa số 17, diện tích 4.024,1 m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa số 30, diện tích 215,6 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 34, địa chỉ xã B, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Công T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số phát hành AA 07342263, số vào sổ CN8578 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số phát hành AA 07342264, số vào sổ CN8577, cấp cùng ngày 24 tháng 3 năm 2026.

2.1.1.2. Thời hạn thuê được tính kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2030. Trong thời gian thuê, ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết V phải có nghĩa vụ phát quang dọn cỏ và dây leo trên toàn bộ diện tích phần đất thuê, thời gian thực hiện nghĩa vụ giữa các lần từ 02 (Hai) đến 03 (Ba) tháng, bắt đầu kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2026.

Đáo hạn hợp đồng thuê, ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết V phải có nghĩa vụ đốn toàn bộ số lượng tắc trồng trên đất, trả lại mặt bằng các thửa đất số 14 và 31 cho ông Nguyễn Văn L, trả lại mặt bằng các thửa đất số 17 và 30 cho ông Trần Công T và bà Võ Thị Tiến X.

2.1.2. Về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: Ông Nguyễn Văn L đồng ý bồi thường giá trị 200 (Hai trăm) cây tắc cho ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết V có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu) đồng thì người phải thi hành án ông Nguyễn Văn L còn phải trả lãi chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn L đồng ý chịu toàn bộ chi phí số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Do số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng chi phí ông Võ Văn H đã nộp. Nên ông L phải nộp số tiền 11.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng để hoàn trả lại cho ông H.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn) đồng, bao gồm án phí không có giá ngạch số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí có giá ngạch số tiền 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

2.3.1. Ông Võ Văn H đồng ý chịu một nữa án phí số tiền 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng. Số tiền này được vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008243 và số tiền 9.900.000 (Chín triệu chín trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008242, ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Nên hoàn trả cho ông H được nhận lại số tiền 8.400.000 (Tám triệu bốn trăm nghìn) đồng.

2.3.2. Ông Nguyễn Văn L đồng ý chịu một nữa án phí số tiền 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 02;
- THADS tỉnh Vĩnh Long: 02;
- ĐS + ĐD.ĐS: 06;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.